

**NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La năm 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND năm 2004; Bộ luật Lao động ngày 18/6/2012; Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về việc làm.

Xét Tờ trình số 256/TTr-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La năm 2015. Báo cáo thẩm tra số 465/BC-HĐND ngày 30/11/2014 của Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh và tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành Chương trình việc làm tỉnh Sơn La năm 2015 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Phối hợp, lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các dự án phát triển ngành, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và nhân dân tham gia vào công tác tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động góp phần ổn định cuộc sống, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Hạn chế tối đa các tệ nạn xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tạo việc làm mới và đảm bảo việc làm cho người có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc; giúp cho người lao động chưa có việc làm sớm có việc làm; người thiếu việc làm hoặc có việc làm nhưng không ổn định, hiệu quả thấp có thêm việc làm, việc làm ổn định, mang lại hiệu quả cao hơn. Chuyển dịch cơ

cấu lao động theo hướng tích cực, giảm tỷ lệ lao động trong nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp - xây dựng, thương mại và dịch vụ.

b) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động, chất lượng việc làm và giá trị lao động, đảm bảo phát triển thị trường lao động lành mạnh, ổn định, tạo ra nhiều việc làm, đưa lao động trong tỉnh đi làm việc tại các khu công nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, khuyến khích các hình thức tạo việc làm tại chỗ.

c) Cơ cấu lao động Nông, lâm, ngư nghiệp là 74,2%, công nghiệp và xây dựng là 12,3%, thương mại, du lịch, dịch vụ khác là 13,5%.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Năm 2015 giải quyết việc làm mới cho 18.000 lao động, gồm:

- Giải quyết việc làm từ chương trình phát triển kinh tế xã hội: **14.650** lao động (*nông, lâm, ngư nghiệp 3.500 lao động; công nghiệp 3.650 lao động; xây dựng là 2.500 lao động; thương mại và dịch vụ là 4.500 lao động; du lịch là 500 lao động*);

- Giải quyết việc làm từ cho vay vốn giải quyết việc làm : 2.500 lao động;

- Giải quyết việc làm từ xuất khẩu lao động: 100 lao động;

- Cung ứng lao động cho các khu công nghiệp ngoài tỉnh: **750** lao động

b) Giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp và lao động chưa có việc làm ở khu vực thành thị xuống 4,1%; ổn định tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn ở mức 89%.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VIỆC LÀM NĂM 2015

1. Tạo việc làm từ phát triển kinh tế - xã hội

a) Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp

- Tiếp tục chỉ đạo đầu tư thâm canh, tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp, đảm bảo cơ cấu giống, thời vụ. Tuyên truyền và vận động các hộ nông dân chuyển một phần diện tích đất trồng ngô, trồng lúa nương có năng suất thấp sang trồng cây công nghiệp lâu năm. Phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả trọng tâm là phát triển cây chè, cà phê, đậu tương, mía, sắn, cây cao su, cây ăn quả chất lượng cao. Tập trung cải tạo vườn cây ăn quả đã cũ, vườn tạp để trồng các giống cây ăn quả chất lượng cao, trọng tâm là cải tạo vườn nhãn, xoài, mận đã già cũ để nâng cao chất lượng sản phẩm. Phát triển trồng rau, hoa, quả mang lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình trồng hoa, su su ở Mộc Châu; mô hình trồng rau sạch tại huyện Mai Sơn, Thành phố Sơn La.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai trồng rừng mới và bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất. Tổ chức quản lý và chăm sóc có hiệu quả vốn rừng hiện có, tiếp tục triển khai các dự án bảo vệ rừng.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi, trọng tâm là phát triển đàn gia súc ăn cỏ; tiếp tục thực hiện chương trình lai tạo đàn bò cái nền địa

phương đủ tiêu chuẩn để phối giống nhân tạo bò thịt chất lượng cao, ưu tiên các hộ nông dân ở các vùng chăn nuôi tập trung, vùng dân tái định cư Thủy điện Sơn La; khuyến khích nhân dân đầu tư xây trang trại chăn nuôi tập trung; tăng cường công tác phòng chống rét, chống đói cho đàn gia súc.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố các cơ sở sản xuất giống thủy sản đảm bảo đủ giống cá và các loại giống thủy sản khác cho nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Hướng dẫn và có chính sách khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi cá ruộng, cá lồng, bè trên các sông, suối. Phát triển nuôi cá tầm trên lòng hồ thủy điện Sơn La và thủy điện Nậm Chiến.

b) Phát triển công nghiệp

- Khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh và mở rộng sản xuất tạo thêm việc làm; thu hút các nhà đầu tư vào chế biến nông lâm sản, đầu tư phát triển mở rộng sản xuất; xây dựng nhà máy chế biến từ các sản phẩm của địa phương.

- Tập trung đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp thu hút các nhà đầu tư xây dựng nâng cấp các nhà máy chế biến các sản phẩm từ tre, thu hút lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề vào làm việc, tăng số lao động trong các ngành Công nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng lao động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả sản xuất của các nhà máy chế biến, luyện kim hiện có trên địa bàn. Chuyển đổi cho lao động trong chương trình tái định cư Thủy điện Sơn La sang các ngành nghề: Sửa chữa đóng thuyền, gò hàn làm đồ thủ công mỹ nghệ.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án thủy điện vừa và nhỏ, năm 2015 đưa vào phát điện thương mại: Thủy điện Nậm Chim 2; Suối Tân 2; Nậm Xá; Suối Lùm 3; To Buông. Đầu tư hệ thống điện nông thôn cho các vùng sâu, vùng xa.

- Tiếp tục tăng cường công tác khuyến công, đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, hình thành điểm sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô hộ gia đình hướng vào sản xuất hàng tiêu dùng là chính, nhằm chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

c) Đầu tư xây dựng

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý đầu tư xây dựng, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng đầu tư vào xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ, xây dựng các nhà máy sản xuất chế biến tại các cụm, khu công nghiệp, khu du lịch.

- Đầu tư đồng bộ kết cấu cơ sở hạ tầng tại các vùng sản xuất hàng hoá trọng điểm, phát triển và nâng cấp mạng lưới giao thông, đầu tư các dự án thủy lợi, kiên cố hoá hệ thống kênh mương, xây dựng và nâng cấp khu đô thị tại trung tâm các huyện.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách, thu hút, khuyến khích phát triển thị trường bất động sản, đẩy mạnh chiến lược phát triển nhà ở; phát triển vật liệu xây dựng sạch, công nghệ vật liệu xây dựng công nghệ mới; tăng cường công tác quy hoạch, phát triển đô thị. Khai thác mọi tiềm năng, sử dụng

có hiệu quả các nguồn lực của các tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng cơ sở hạ tầng trong địa bàn tỉnh.

d) Phát triển thương mại dịch vụ

- Tăng cường xúc tiến thương mại, tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các loại hình dịch vụ, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm hàng hóa, chủ động tìm kiếm thị trường, thực hiện các giải pháp để đưa hàng hóa của Sơn La hội nhập với thị trường cả nước, thị trường các nước trong khu vực, hoàn thiện hệ thống phân phối hàng hóa, thúc đẩy phát triển thương mại ở nông thôn, đầu tư phát triển trung tâm thương mại. Năm 2015 đầu tư xây dựng 4 chợ: Chợ biên giới xã Phiêng Khoài huyện Yên Châu, chợ đầu mối nông sản Cò Nòi huyện Mai Sơn, chợ Trung tâm huyện Vân Hồ, chợ Tông Lệnh huyện Thuận Châu; Nâng cấp cải tạo chợ Trung tâm Thành phố; Đầu tư xây dựng 4 cửa hàng xăng dầu tại huyện Vân Hồ, Sông Mã, Sốp Cộp và Quỳnh Nhai. Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại tại bản Giàng Lắc thành phố Sơn La. Tổ chức các hội chợ xúc tiến thương mại ở địa bàn các xã vùng sâu vùng xa, đẩy mạnh giao thương hàng hoá nông, lâm sản và hàng bách hoá tổng hợp.

- Tiếp tục phát triển hệ thống dịch vụ vận tải đường bộ và đường thủy, nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng được yêu cầu về vận chuyển hàng hóa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa.

đ) Phát triển du lịch

- Tiếp tục chỉ đạo khai thác có hiệu quả tiềm năng về du lịch của khu du lịch, tạo ra các tua, tuyến, nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng tốt nhu cầu của du khách trong, ngoài tỉnh và khách quốc tế. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về hoạt động du lịch, đưa người dân cùng tham gia làm du lịch tạo việc làm và tăng thu nhập nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia kinh doanh du lịch xây dựng sản phẩm du lịch phong phú, độc đáo, mang sắc thái riêng của Tây Bắc nói chung và Sơn La nói riêng. Nâng cao chất lượng hiện có và đa dạng hóa sản phẩm.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân lực hoạt động du lịch.

- Tăng cường đầu tư, thu hút đầu tư để nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển hạ tầng du lịch.

2. Tạo việc làm từ hoạt động xuất khẩu lao động

a) Tăng cường tuyên truyền về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xuất khẩu lao động đến người lao động, phối hợp với các đơn vị hoạt động xuất khẩu lao động tổ chức giáo dục, định hướng nâng cao nhận thức, ý thức của người lao động tham gia xuất khẩu lao động.

b) Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đối với người lao động đi xuất khẩu lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012-2015 và chính sách hỗ trợ đối với người lao động để tham gia xuất khẩu lao động theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

3. Tạo việc làm từ hoạt động cho vay vốn giải quyết việc làm

a) Cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, người lao động được vay vốn với lãi suất ưu đãi từ quỹ giải quyết việc làm, để đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, tạo việc làm ổn định cho người lao động trong doanh nghiệp và thu hút thêm lao động vào làm việc tại doanh nghiệp.

b) Cho vay với các dự án khởi sự doanh nghiệp, phát triển sản xuất của thanh niên; các dự án giải quyết việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự và lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, lao động nữ nông thôn.

c) Thực hiện cho vay ủy thác đối với các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội trên mọi lĩnh vực

a) Tận dụng mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, trong đó lựa chọn đầu tư phát triển các ngành, các lĩnh vực, từng sản phẩm hỗ trợ xây dựng thương hiệu và tiêu thụ, xuất khẩu hàng hóa nông sản. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, tuyển chọn các ngành kinh tế, phát triển công nghiệp cao và hiện đại hóa công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ trên thị trường. Tăng cường ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng nhanh giá trị gia tăng. Sản xuất giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo chất lượng. Tăng dần tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp, phát triển các trang trại chăn nuôi tập trung gắn với vệ tinh là các hộ gia đình. Khai thác tốt diện tích nước mặt vùng hồ Sông Đà để phát triển nuôi cá lồng bè; nhân rộng các mô hình nuôi ba ba, cá hồi, cá tầm, cá giống cao sản...

b) Đẩy mạnh công tác trồng rừng tập trung, chú trọng trồng rừng nguyên liệu, triển khai tốt công tác quản lý, khoanh nuôi và bảo vệ rừng hiện còn; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát khai thác và chế biến lâm sản, phòng chống cháy rừng.

c) Nâng cao năng lực, tăng sức cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp để thu hút đầu tư của các doanh nghiệp ngoài tỉnh phát triển sản xuất; khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất thúc đẩy phát triển tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt các ngành sử dụng nhiều lao động để thu hút lao động từ ngành nông nghiệp sang phi nông nghiệp; **liên kết với các tỉnh có khu công nghiệp nhu cầu sử dụng lao động lớn, có thu nhập cao như: Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương đưa lao động chưa qua đào tạo xuống làm việc trong các doanh nghiệp sản xuất**

may mặc và lắp ráp điện tử. Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu Khu công nghiệp Mai Sơn và các cụm công nghiệp có điều kiện phát triển tại các huyện: Mộc Châu, Phù Yên, Mường La. Xây dựng cơ chế tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp nhất là các vùng nguyên liệu, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo lao động kỹ thuật và lao động quản lý cho các doanh nghiệp.

d) Tập trung đầu tư, thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế để nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển hạ tầng du lịch trên địa bàn tỉnh để giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Đẩy mạnh triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, quảng bá giới thiệu sản phẩm. Phát triển dịch vụ du lịch (du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch hội nghị, tổ chức các sự kiện); xây dựng các sản phẩm du lịch mang đậm bản sắc các dân tộc vùng Tây Bắc. Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về hoạt động du lịch để cho người dân hiểu, biết cách làm du lịch để tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống.

đ) Có chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, hỗ trợ đất để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư cũng như áp dụng những chính sách ưu đãi cụ thể về thuế, hạ tầng, cơ chế tài chính, hỗ trợ tuyển lao động....

2. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Khai thác có hiệu quả các cơ sở dạy nghề hiện có, đồng thời đầu tư nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các trường nghề, cơ sở dạy nghề và định hướng cho chương trình dạy nghề.

b) Tập trung đào tạo các nghề phục vụ cho chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với các ngành nghề đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp.

c) Thực hiện tốt các chính sách tín dụng ưu đãi đối với các đơn vị, doanh nghiệp có hoạt động dạy nghề, tuyển lao động vào dạy nghề và bố trí việc làm tại đơn vị doanh nghiệp. **Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức đào tạo các ngành nghề phù hợp cho người lao động có trình độ đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong các loại hình doanh nghiệp, phục vụ các khu công nghiệp.**

d) Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho chương trình phát triển du lịch trên địa bàn.

3. Nhóm giải pháp xuất khẩu lao động

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các điều kiện, tiêu chuẩn khi tham gia thị trường lao động ngoài nước, đồng thời giúp các gia đình nhận rõ trách nhiệm và thực hiện tốt cam kết với địa phương, giáo dục vận động con em tham gia và thực hiện tốt hợp đồng xuất khẩu lao động.

b) Ban chỉ đạo việc làm và dạy nghề của tỉnh chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giới thiệu các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu lao động có hiệu quả, có kinh nghiệm và uy tín về tỉnh tuyển lao động và hợp tác thực hiện dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Mở rộng và phát triển thị trường xuất khẩu lao động theo hướng mở rộng và duy trì các thị trường truyền thống, các nước có thu nhập cao, việc làm ổn định.

c) Tăng cường các biện pháp chỉ đạo nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã, phường trong việc phối hợp với doanh nghiệp tuyển lao động đi xuất khẩu lao động; phối hợp giáo dục, quản lý lao động để khắc phục tình trạng lao động bỏ trốn, vi phạm pháp luật của nước sở tại.

4. Nhóm giải pháp cho vay vốn tạo việc làm

a) Tạo điều kiện thuận lợi, tập trung cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn đầu tư cho sản xuất thu hút lao động vào làm việc.

b) Đẩy nhanh tiến độ thẩm định dự án, giải ngân cho các đối tượng vay vốn không để vốn tồn tại Ngân hàng.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay, mục đích sử dụng vốn, đánh giá hiệu quả của dự án vay vốn.

5. Nhóm giải pháp phát triển thị trường lao động, thông tin thị trường lao động

a) Cập nhật thông tin biến động năm 2015 của tất cả những người từ đủ 10 tuổi trở lên về trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kỹ thuật, việc làm trên cơ sở dữ liệu quốc gia về cung lao động của năm 2014 từ tổ, bản, xã, phường, thị trấn; cập nhật thông tin cầu lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh để làm cơ sở dữ liệu để xây dựng kế hoạch cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động.

c) Nâng cao chất lượng dự báo về thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước và phục vụ yêu cầu của doanh nghiệp, của người lao động.

d) Tăng cường hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm, cung cấp thông tin về thị trường lao động thông qua trung tâm giới thiệu việc làm và mở rộng đến cơ sở để người lao động tìm việc thuận lợi. Chỉ đạo Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh và các doanh nghiệp tổ chức hội nghị tư vấn, tuyển chọn lao động đưa lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp ngoài tỉnh, đặc biệt là các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, các thành phố lớn và các tỉnh vùng đồng bằng.

6. Nhóm giải pháp thông tin tuyên truyền

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ chương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về giải quyết việc làm và chương trình giải quyết việc làm của tỉnh bằng nhiều hình thức như tờ rơi, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt khai thác tốt hệ thống truyền thanh tại các tổ bản, tiểu khu, nâng cao nhận thức của người lao động và người sử dụng lao động về giải quyết việc làm, tích cực tham gia vào chương trình giải quyết việc làm của tỉnh, chủ động tạo thêm việc làm, tự tạo việc làm cho bản thân và thu hút lao động vào làm việc.

b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, giúp doanh nghiệp, người lao động nắm bắt kịp thời các chính sách pháp luật lao động, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức, tác phong trong lao động sản xuất.

c) Nâng cao năng lực quản lý lao động, việc làm và kỹ năng tư vấn, giới thiệu việc làm của đội ngũ công chức, viên chức làm công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động nhằm chuẩn hoá và phổ biến kiến thức, kỹ năng quản lý lao động, kỹ năng điều hành triển khai các chương trình việc làm.

d) Tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và xử lý sai phạm trong lĩnh vực giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Các nguồn vốn đầu tư phát triển; nguồn vốn hỗ trợ tái định cư Thủy điện Sơn La; nguồn vốn thực hiện Chương trình Nghị quyết 30a/2008/CP của Chính phủ và các nguồn hỗ trợ khác được duyệt trong dự toán chi ngân sách của tỉnh năm 2015.

2. Nguồn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, nguồn Quỹ giải quyết việc làm tỉnh.

3. Nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, từ ngày HĐND tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2014./.

Nơi nhận:

- Ủy Ban TV Quốc Hội, Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: LĐTBXH, Tài Chính, KH&ĐT;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP Tỉnh uỷ, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT Công báo; lưu trữ tỉnh;
- Lưu VT. Linh(450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Văn Chất